

Số: 22/BC-THIQ

Hoa Lư, ngày 12 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục

(Thời kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/4/2026)

Phục vụ Đoàn Thanh tra theo Quyết định thanh tra số 260/QĐ-TTr ngày 10/6/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Ninh Bình)

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình:

Trường Tiểu học IQ được thành lập theo quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình tại địa điểm khu đô thị phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình và được cấp phép hoạt động theo Quyết định 173/QĐ- PGDĐT ngày 31/10 /2018 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Ninh Bình về việc cho phép hoạt động đối với Trường Tiểu học IQ, phường Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình,

Ngày 19/11/2025 nhà trường đã nhận được quyết định số 3019/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân phường Hoa Lư về việc điều chỉnh nội dung địa điểm hoạt động giáo dục trường Tiểu học IQ là Khu đô thị Ninh Khánh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Quy mô trường lớp:

2.1. Tổng số giáo viên, nhân viên và người lao động

Thông tin	Tổng số	GVG Trường	Số nữ	Trình độ				Ti n học c	N N	Hợp đồn g
				Th. Sỹ	Đ H	C Đ	TC			
Hiệu trưởng	1		1		1					1
Giáo viên tiểu học	15	8	15	1	14					15
GV Thể dục	2		1		2					2
GV Âm nhạc- kiêm TPT	1		1		1					1
GV Mỹ thuật	1	1	1		1					1
GV Ngoại ngữ	5	2	5		5				5	5
GV Tin học	1	1				1		1		1
Thư viện (Kiêm nhiệm)	1		1		1					1
Hành chính, y tế	2		2		1	1				2
Kế toán văn phòng	1		1			1				1
Cộng	30	12	28	1	26	3	0	1	5	30

2.2. Số học sinh hiện có

Nội dung thông tin	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Cộng
Số lớp	3	2	3	3	2	13
Số học sinh	50	27	43	30	25	175

Số học sinh nữ	25	12	13	13	11	74
Số học sinh dân tộc	1	0	0	2	1	4
Bình quân học sinh/lớp	16,7	13,5	14,3	10	12,5	13,5
Học sinh học đúng độ tuổi	50	25	43	30	25	172
Học sinh học tiếng Anh	50	27	43	30	25	175
Số học sinh bán trú	50	27	43	30	25	175

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA (năm 2024 đến thời điểm 31/3/2026)

I. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức trong nhà trường; công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động.

1. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức trong nhà trường

1.1. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức:

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Hoa Lư về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học IQ.

Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ định hướng, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của nhà trường đảm bảo hiệu quả. Hồ sơ hoạt động của Hội đồng trường được lưu trữ đúng quy định.

Danh sách các thành viên:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	1971	Chủ tịch Hội đồng	Chủ đầu tư
2	Bà Lê Thị Bích Ngọc	1963	Thành viên	Hiệu trưởng
3	Bà Đinh Thị Tuyết	1987	Thành viên	Chủ tịch công đoàn
4	Bà Hoàng Thu Chang	1998	Thành viên	Giáo viên
5	Ông Phạm Văn Dũng	1965	Thành viên	Thành viên ngoài nhà trường

Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định số 05/QĐ-BKS ngày 23/4/2022 về việc thành lập Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

Tổ chức Công đoàn được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-LĐLĐ về việc Kết nạp đoàn viên công đoàn và thành lập công đoàn cơ sở ngày 18/11/2024 của Liên đoàn lao động thành phố Ninh Bình, theo cơ cấu tổ chức Công đoàn công ty TNHH IQ SCHOOL, có cơ cấu và hoạt động đúng quy định. Tổ Công đoàn trường tiểu học gồm 26 công đoàn viên trực thuộc Công đoàn Công ty, thực hiện tốt vai trò phối hợp tổ chức các phong trào thi đua; tham mưu, đề xuất các giải pháp tổ chức các hoạt động trong nhà trường và động viên công đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Vào đầu năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, Hội đồng thi đua khen thưởng Trường Tiểu học IQ số 67/QĐ-THIQ ngày 07/10/2024, số 55/QĐ-THIQ ngày 10/10/2025, gồm 09 thành viên. Cơ cấu thành viên và hoạt động thực hiện đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học.

Liên đội TNTP Hồ Chí Minh trường Tiểu học IQ có 08 chi đội và 05 sao nhi đồng. Liên đội tổ chức tốt các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hướng dẫn học sinh thực hiện tốt các quy định nề nếp trong và ngoài nhà trường.

Các hội đồng khác được thành lập theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học.

Năm học 2024-2025; 2025-2026, trường có 03 tổ chuyên môn (Tổ 1; tổ 2-3; tổ 4-5); 01 tổ văn phòng được thành lập vào đầu mỗi năm học theo các quyết định:

* Năm học 2024-2025:

Các tổ chuyên môn trong nhà trường	Số thành viên của tổ chức trong năm học	Quyết định thành lập tổ; Bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó
Tổ CM khối 1	07	Số 38/QĐ-THIQ ngày 6/8/2024 v/v thành lập tổ chuyên môn; Bổ nhiệm Tổ trưởng -Tổ phó CM tổ 1
Tổ CM khối 2,3	09	Số 39/QĐ-THIQ ngày 6/8/2024 v/v thành lập tổ chuyên môn; Bổ nhiệm Tổ trưởng -Tổ phó CM tổ 2-3
Tổ CM khối 4,5	07	Số 40/QĐ-THIQ ngày 6/8/2024 v/v thành lập tổ chuyên môn; Bổ nhiệm Tổ trưởng -Tổ phó CM tổ 4-5
Tổ Văn phòng	04	Số 41/QĐ-THIQ ngày 6/8/2024 v/v thành lập tổ văn phòng; Bổ nhiệm Tổ trưởng tổ Văn phòng

* Năm học 2025-2026:

Các tổ chuyên môn trong nhà trường	Số thành viên của tổ chức trong năm học	Quyết định thành lập tổ; Bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó
Tổ CM khối 1	07	Số 19/QĐ-THIQ ngày 21/7/2025 v/v thành lập tổ chuyên môn tổ 1; Số 24/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm Tổ trưởng tổ 1 Số 25/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm Tổ phó CM tổ 1
Tổ CM khối 2,3	10	Số 20/QĐ-THIQ ngày 21/7/2025 v/v thành lập tổ chuyên môn tổ 2-3; Số 26/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm Tổ trưởng tổ 2-3 Số 27/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm Tổ phó CM tổ 2-3
Tổ CM khối 4,5	08	Số 21/QĐ-THIQ ngày 21/7/2025 v/v thành lập tổ chuyên môn tổ 4-5; Số 28/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm

		Tổ trưởng tổ 4-5 Số 29/QĐ-THIQ ngày 28/7/2025 Bổ nhiệm Tổ phó CM tổ 4-5
Tổ Văn phòng	04	Số 22/QĐ-THIQ ngày 21/7/2025 v/v thành lập tổ văn phòng; Số 30/QĐ-THIQ ngày 21/7/2025 v/v Bổ nhiệm Tổ trưởng tổ Văn phòng

Nhà trường lưu trữ Hồ sơ đầy đủ; các Tổ chuyên môn, tổ Văn phòng hoạt động theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 (đối với trường Tiểu học) và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

1.2. Sắp xếp, tổ chức lớp học theo khối lớp:

Năm học 2024-2025: 160 HS/12 lớp = 13,3 HS/lớp.

Năm học 2025-2026: 175 HS/13 lớp = 13,5 HS/lớp

Năm học	Tổng số HS	Số lớp	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2024-2025	160	12	2	25	3	45	2	31	2	25	2	34
2025-2026	175	13	3	50	2	27	3	43	3	30	2	25

1.3. Nhà trường đã xây dựng nội quy, quy chế làm việc và tổ chức thực hiện theo đúng quy chế đã xây dựng:

Số 01/QĐ-THIQ ngày 10/1/2022 V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học IQ (Từ năm học 2022-2023)

Số 38/QĐ-THIQ ngày 2/10/2023 V/v Ban hành Quy chế làm việc từ năm học 2023-2024

1.4. Khó khăn, vướng mắc: Vì là trường tư thục, 100% giáo viên là hợp đồng nên thường xuyên có sự biến động (Do giáo viên thi đỗ viên chức) nên phần nào đó ảnh hưởng tới việc chỉ đạo điều hành của Hiệu trưởng.

2. Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ

2.1. Thực trạng đội ngũ

a) Hiệu trưởng: Được bổ nhiệm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình

Trình độ đào tạo: Đại học tiểu học; Có chứng chỉ quản lý GD.

Hiệu trưởng: Có năng lực chuyên môn tốt, nắm chắc nội dung chương trình và kế hoạch dạy học; có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, luôn nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng về giáo dục, thực hiện đúng pháp luật của nhà nước trong quản lý nhà trường; nhiệt tình, có năng lực quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Luôn có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đủ năng lực triển khai các hoạt động giáo dục của nhà trường.

* Trường không có Phó Hiệu trưởng.

b) Giáo viên: Số lượng, trình độ đào tạo chuyên môn của giáo viên (tỉ lệ đạt chuẩn, trên chuẩn, dưới chuẩn; cơ cấu, chủng loại); tổng số giáo viên cơ hữu, tỉ lệ giáo viên cơ hữu so với tổng số giáo viên theo quy định; định mức giáo viên/lớp

* Giáo viên

Thông tin	Năm học 2024-2025						Năm học 2025-2026					
	Tổng số	Trình độ ĐT				Hợp đồng	Tổng số	Trình độ ĐT				Hợp đồng
		Th. sỹ	ĐH	CĐ	TC			Th. sỹ	ĐH	CĐ	TC	
GV TPT (GV ÂN kiêm nhiệm)												
GV Tiểu học	12	01	09	02		12	15	1	14			15
GV Thể dục	02		02			02	02		02			02
GV Âm nhạc	01		01			01	01		01			01
GV Mỹ thuật	01		01			01	01		01			01
GV T Anh	05		05			05	05		05			05
GV Tin học	01			01		01	01			01		01
Gv trợ giảng							01	1				01
Cộng	22	01	18	03		22	26	02	23	01		26
Tỷ lệ %												
Tỷ lệ GV/lớp (Trừ TPT)	21 21 GV/11 lớp = 1,91						25 GV/13 lớp = 1,92					

* Nhân viên:

Thông tin	Năm học 2024-2025					Năm học 2025-2026				
	Tổng số	Trình độ ĐT			Hợp đồng	Tổng số	Trình độ ĐT			Hợp đồng
		ĐH	CĐ	TC			ĐH	CĐ	TC	
Y tế	1			1	1	1			1	1
Kế toán	1		1		1	1		1		1
Văn thư	1		1		1	1		1		1
Thiết bị- Thư viện (Kiêm nhiệm)	1	1			1	1	1			1
Cộng	04	1	02	01	03	04	1	02	01	04

* Khó khăn, vướng mắc: trường chưa có nhân viên thiết bị thư viện chuyên trách nên việc quản lý, sử dụng phòng thiết bị, thư viện gặp nhiều khó khăn.

2.2. Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025 và 2025-2026 (Có Bảng phân công nhiệm vụ kèm theo)

- Việc phân công nhiệm vụ, giảng dạy, công tác kiêm nhiệm đối với CBQL, giáo viên; phân công nhiệm vụ đối với nhân viên; điều chỉnh phân công (nếu có).

- Việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo phân công của Hiệu trưởng: Thực hiện nghiêm túc có hiệu quả.

- Khó khăn, vướng mắc: Không

2.3. Việc thực hiện chế độ, chính sách (tiền công, tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, thai sản, vượt định mức giờ dạy, các chế độ phụ cấp, ưu đãi...): Nhà trường thực hiện theo các văn bản quy định của Nhà nước.

(Thông kê thông tin kèm theo Phụ lục 1).

II. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT; THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Cơ sở vật chất

- Thông kê cơ sở vật chất, đánh giá tình trạng thừa, thiếu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT và văn bản liên quan

(thống kê số liệu theo Phụ lục 02).

* Đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng cơ sở vật chất hiện có, các hạng mục cơ sở vật chất: Nhà trường đảm bảo an toàn, phòng chống thương tích, tai nạn, cháy nổ.

* Khó khăn, vướng mắc trong quản lý, sử dụng cơ sở vật chất hiện có: Không.

2. Thiết bị dạy học

* Thông kê thiết bị dạy học tối thiểu, đánh giá tình trạng thừa, thiếu theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 26/4/2024 (đối với Tiêu học) và văn bản liên quan. *(Thông kê thông tin kèm theo Phụ lục 3).*

* Đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng thiết bị dạy học hiện có: Sử dụng thường xuyên, hiệu quả những đồ dùng thiết bị hiện có.

+ **Những danh mục thiết bị, đồ dùng không đáp ứng yêu cầu: Không**

* Khó khăn, vướng mắc trong quản lý, sử dụng thiết bị dạy học hiện có: Hiện tại, thiết bị dạy học của trường chưa đảm bảo theo các Thông tư quy định, vì vậy giáo viên đẩy mạnh UDCNTT, khai thác tài nguyên mạng trong dạy học.

III. TÀI CHÍNH, TÀI SẢN: Hạch toán phụ thuộc

1. Việc quản lý, sử dụng tài chính

- Việc xây dựng dự toán hằng năm và quy chế tài chính.

- Nguồn tài chính (góp vốn, thu học phí, lệ phí từ người học và các khoản thu hợp pháp khác, ..):

+ Việc huy động và sử dụng vốn, thu chi, phân phối kết quả tài chính;

+ Việc đăng ký tăng, giảm nguồn vốn;

+ Việc rút vốn và chuyển nhượng vốn;

+ Việc thực hiện chế độ công khai tài chính và lập báo cáo tài chính.

- Việc nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ về tài chính: các quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hồ sơ kê khai, quyết toán thuế...

(Thông kê thông tin kèm theo Phụ lục 4,5).

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản

- Tài sản ban đầu của các thành viên góp vốn;

- Tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của trường;

- Tài sản do hiến, tặng, cho hoặc tài trợ, hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại.

- Xây dựng quy chế sử dụng tài sản;
- Hồ sơ theo dõi tài sản.

(Thống kê thông tin kèm theo Phụ lục 6)

IV. Việc thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

1. Việc cập nhật, triển khai các văn bản quy định, hướng dẫn về công khai trong cơ sở giáo dục

a. Nhà trường đã cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định về việc thực hiện công khai của các cấp: Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính,

b. Việc ban hành văn bản, thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm 2024, 2025 và 2026 (đến ngày 30/4/2026): Vào đầu các năm học, nhà trường xây dựng Kế hoạch công khai, Quy chế công khai, thực hiện các nội dung công khai đúng quy định, cụ thể:

* Năm học 2024-2025:

+ Kế hoạch số 54/KH-THIQ ngày 19/9/2024 về việc thực hiện công tác công khai theo TT09/2024/ TT-BGDĐT, năm học 2024–2025;

+ Quyết định số 53/QĐ-THIQ ngày 19/9/2024 V/v Ban hành Quy chế thực hiện công tác công khai theo TT09/2024/ TT-BGDĐT, năm học 2024–2025;

* Năm học 2025-2026:

+ Kế hoạch số 46/KH-THIQ ngày 19/9/2025 về việc thực hiện công tác công khai theo TT09/2024/ TT-BGDĐT, năm học 2025–2026;

+ Quyết định số 45/QĐ-THIQ ngày 19/9/2025 V/v Ban hành Quy chế thực hiện công tác công khai theo TT09/2024/ TT-BGDĐT, năm học 2025–2026;

* Nội dung: Thông tin chung về cơ sở giáo dục; Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục các năm học 2024-2025; 2025-2026

* Cách thức/hình thức: Trong phiên họp Hội đồng nhà trường

* Thời điểm, thời gian thực hiện công khai:

Quyết định số 43/QĐ-THIQ ngày 04/9/2024 về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024-2025

Báo cáo thường niên năm 2024 số 81/BC-THIQ ngày 6/6/2025.

Thông báo số 04 ngày 25/6/2025 Về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Năm học 2024-2025

Quyết định số 38/QĐ-THIQ ngày 08/9/2025 về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026

2. Việc chỉ đạo, thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (chú ý theo từng cấp học)

2.1. Các nội dung đã công khai (các nội dung đã công khai theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

2.1.1. Nhà trường đã công khai Thông tin chung về cơ sở giáo dục (CSGD) gồm:

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường tiểu học IQ

2. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Vạn Hạnh, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình

Điện thoại: 0833123355

Địa chỉ thư điện tử: tiuehociq2020@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://iqschool.vn/contact/>

3. Loại hình của trường: Tư thục

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Ninh Bình

Chủ sở hữu: Ông Nguyễn Bá Hùng

Vùng lãnh thổ: Phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4. Sự mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Tiểu học IQ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Lê Thị Bích Ngọc

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học IQ, Đường Vạn Hạnh, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình

- Số điện thoại: 0945 323 459

- Địa chỉ thư điện tử: lengoc.bichngoc@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép hoạt động của trường Tiểu học IQ :

Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình về việc thành lập trường tiểu học IQ;

Quyết định số 173/PHGĐT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Phòng Giáo dục & Đào tạo TP Ninh Bình về việc cho phép trường Tiểu học IQ hoạt động giáo dục;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố Ninh Bình về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học IQ.

Danh sách các thành viên:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	1971	Chủ tịch Hội đồng	Chủ đầu tư
2	Bà Đỗ Thị Nguyệt Oanh	1973	Ủy viên	Thành viên ngoài nhà trường
3	Bà Lê Thị Bích Ngọc	1963	Ủy viên Thư ký Hội đồng	Hiệu trưởng

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng:

Quyết định số 1539/QĐ-UBND của UBND thành phố Ninh Bình ngày 19/4/2022 về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng trường Tiểu học IQ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động trường Tiểu học IQ;

8. Các văn bản khác của trường Tiểu học IQ: Chiến lược phát triển nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở; Quyết định thành lập hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; quy chế nội bộ khác

2.1.2. Thu, chi tài chính

- **Đơn vị đã công khai mức thu học phí, các khoản thu và các khoản chi:** Trên

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí học tập đối với người học năm học 2025-2026 trên Zalo các

nhóm lớp. Đã chi trả cho học sinh số tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1/năm học 2025-2026. Hiện tại, hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2/năm học 2025-2026 nhà trường đã nộp về UBND phường Hoa Lư.

2.1.3. Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục

- * Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên
- + Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo năm học 2024-2025; 2025-2026

- * Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- * Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

2.1.4. Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025; 2025-2026

a. Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2024-2025; 2025-2026

b. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục 2024-2025; 2025-2026

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d. Thực đơn hằng ngày của học sinh.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước 2023-2024; 2024-2025.

2.2. Cách thức công khai

Năm học 2024-2025, nhà trường đăng tải nội dung công khai và Báo cáo thường niên năm 2024 trên cổng thông tin điện tử của đơn vị (tại địa chỉ: <https://thiq.ninhbinh.edu.vn>); qua nhóm Zalo của lớp.

- Năm học 2025-2026, nhà trường thông báo trong các cuộc họp giáo viên, nhân viên nhà trường; các cuộc họp cha mẹ học sinh.

2.3. Thời gian, thời điểm công khai Năm học 2024-2025: Ngày 25/6/2025

Công khai Thông tin về cơ sở giáo dục năm học 2024-2025; Thu chi tài chính; Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông; Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông.

Báo cáo thường niên năm 2024 (tính đến 31/12/2024)

V. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý theo kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có liên quan đến hoạt động của đơn vị

1. Thông báo kết quả kiểm tra số 271/TB-PGDĐT ngày 15/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hoa Lư về việc kiểm tra trường Tiểu học IQ, năm học 2024-2025.

2. Tóm tắt nội dung kết luận và kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm và kết luận và kiến nghị xử lý, khắc phục sai phạm trong từng kiến nghị, quyết định xử lý theo kiến nghị của các đoàn kiểm tra,

- Hội đồng trường: Thành viên Hội đồng trường chưa đủ theo Thông tư 40/2021/TT-BGDĐT

- Đội ngũ: Nhà trường có 02 giáo viên có trình độ đào tạo chưa phù hợp với vị trí việc làm (Thạc sĩ và Đại học Toán).

- Cơ cấu tổ chức: chưa có Phó Hiệu trưởng.

- Nhà trường chưa tổ chức các tiết học kết nối theo hình thức “Lớp học không biên giới”; chưa thực hiện ký duyệt kế hoạch bài dạy điện tử.

- Hồ sơ thư viện, thiết bị chưa đầy đủ theo quy định, mới thực hiện cập nhật sách trên phần mềm máy tính. Các đầu sách trong thư viện chưa được mã hóa.

- Còn thiếu một số thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Tài nguyên thư viện chưa nhiều. Phòng thư viện chưa có hệ thống máy tính khai thác nguồn tài nguyên điện tử (Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2025 của Bộ GD&ĐT về quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông).

3. Kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý

Nhà trường đã tham mưu với UBND thành phố Hoa Lư ra QĐ số 5070/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Hoa Lư về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học IQ nhiệm kỳ 2022-2027 với 05 thành viên.

Tuyển dụng đủ giáo viên có trình độ phù hợp vị trí việc làm.

Hiệu trưởng đã tham mưu với Chủ tịch Hội đồng quản trị mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ dạy học. Giáo viên tăng cường sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện có.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm, kết quả đạt được.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ các năm học của các cấp.

Hoàn thành tốt kế hoạch chỉ tiêu các năm học 2024-2025; 2025-2026. Duy trì tốt chất lượng giáo dục các năm học.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình Giáo dục 2018

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nội dung thanh tra.

100% giáo viên của trường là hợp đồng nên thường xuyên có biến động do vậy gây khó khăn cho việc sắp xếp chuyên môn của trường.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: Do giáo viên dự thi viên chức khi có kế hoạch thi tuyển viên chức của UBND tỉnh.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Nơi nhận:

- Phòng Nghiệp vụ 9 Thanh tra tỉnh;
- Hồ sơ Công khai
- Lưu: VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CƠ CẤU ĐỘI NGŨ HIỆN CÓ

1. Cơ cấu đội ngũ (thời điểm lấy số liệu 30/9 hằng năm)

TT	Môn học/ Vị trí việc làm ¹	Tổng số	Cơ hữu (đối với giáo viên)	Thỉnh giảng (đối với giáo viên)	Số thiếu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025					
1	Giáo viên văn hóa	12	12			
2	Giáo viên bộ môn					
	Âm nhạc	1	1			Kiêm Tổng phụ trách
	Mỹ thuật	1	1			
	GDTC	2	2			
	Tin học	1	1			
	Tiếng Anh	5	5			
	Nhân viên thư viện	1	1			
	Kế toán	1	1			
	Y tế -VP	2	2			
Tổng		26	26			
II	Năm học 2025-2026					
1	Giáo viên văn hóa	15	15			
2	Giáo viên bộ môn					
	Âm nhạc	1	1			
	Mỹ thuật	1	1			
	GDTC	2	2			
	Tin học	1	1			
	Tiếng Anh	5	5			
	GV khác	1	1			
	Nhân viên thư viện	1				Kiêm nhiệm
	Kế toán	1				
	Y tế -VP	2				
Tổng		30	26			

¹ Đối với trường Mầm non thống kê giáo viên nhóm trẻ, giáo viên mẫu giáo, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác; đối với trường Tiểu học thống kê giáo viên văn hóa, giáo viên bộ môn, nhân viên.

2. Danh sách cán bộ, giáo viên (thời điểm lấy số liệu 30/9 hằng năm)

2.1. Giáo viên cơ hữu

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ, chuyên ngành đào tạo ²	Vị trí việc làm/ Môn giảng dạy	Năm học 2024-2025				Năm học 2025-2026				Ghi chú
					Số tiết giảng dạy/ tuần	Nhiệm vụ kiêm nhiệm	Số tiết kiêm nhiệm / tuần	Tổng số tiết/ tuần	Số tiết giảng dạy/ tuần	Nhiệm vụ kiêm nhiệm	Số tiết kiêm nhiệm / tuần	Tổng số tiết/ tuần	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=6+8	10	11	12	13=10+12	13
1	Đoàn Thị Ban Mai	2001	Đại học tiểu học	GV CN	21			21					
2	Vũ Thị Thảo	1994	Đại học tiểu học	GV CN					21			21	
3	Nguyễn T.Phương Chi	1996	Đại học tiểu học	GV CN					21			21	
4	Nguyễn Thị Thu Hồng	1995	Đại học tiểu học	GV CN	21	TT tổ 1	3	24	19			19	
5	Nguyễn Như Quỳnh	1995	Đại học tiểu học	GV CN	21	TP tổ 2-3	1	22	21			21	
6	Mai Thị Thanh Thù	1999	Đại học tiểu học	GV CN	21			21	21			21	
7	Trịnh Thị Thu	1991	Đại học tiểu học	GV CN	21			21	19			19	
8	Đinh Thị Kim Thanh	1998	Đại học tiểu học	GV CN	19			19	19	TT tổ 2-3		19	
9	Phạm T. Minh Nguyệt	2001	Đại học tiểu học	GV CN	19			19	Chuyển trường				
10	Hoàng Thu Chang	1998	Th.Sỹ tiểu học	GV CN	19	TT tổ 2-3	3	22	21	TT tổ 1		21	
11	Dương T.Thảo Ngọc	1999	Đại học tiểu học	GV CN	21			21	19			19	

² Ví dụ: Đại học -Toán Tin

			Trình	Vị trí	Năm học 2024-2025				Năm học 2025-2026				
13	Bùi Thị Hương	1999	Đại học tiểu học	GV CN	21	TT tổ 4-5	3	24	21	TT tổ 4-5		21	
14	Bùi Thị Thanh Lan	1998	Đại học tiểu học	GV CN					21			21	
15	Nguyễn Thị Giang	1996	Đại học tiểu học	GV CN	21	TP tổ 4-5	1	22	21			21	
16	Bùi Lệ Thu	2001	Đại học tiểu học	GV CN	21				Chuyển trường				
17	Đặng T. Phương Anh	2002	Đại học tiểu học	GV CN					21	TP tổ 4-5		21	
18	Đinh T. Phương Anh	2003	Đại học tiểu học	GV CN					21			21	
19	Nguyễn Văn Điền	1987	CD Tin học	GV Tin học	14	PT PTH	3	17					
20	Nguyễn Thị Yến Ngọc	1994	ĐH ÂN	GV ÂN	12	PTPA AN	3	15					
21	Lã Thị Nhài	1992	ĐHGD TC	GDTC	12			12	Chuyển trường				
22	Vũ Quang Anh	2000	ĐHGD TC	GDTC	12			12	16			16	
23	Từ Diệu Linh	1998	ĐHGD TC	GDTC					10				
24	Đinh Thị Tuyết	1983	ĐHMT	GVMT	12	TP tổ 1	1		13				
25	Mai Thị Ngân	1997	ĐH TA	GVTA K1	4			4	Chuyển trường				
26	Nguyễn Thị Duyên	1989	ĐH TA	GVTA K2	6			6	4			4	
27	Phạm Thị Hoa Hậu	1991	ĐH TA	GVTA K3	12			12	12			12	
28	Bùi Mai Thương	1994	ĐH TA	GVTA K4	8			8	Chuyển trường				
29	Đặng Ngọc Mai	1998	ĐH TA	GVTA K5	8			8	Chuyển trường				

			Trình	Vị trí	Năm học 2024-2025				Năm học 2025-2026				
30	Nguyễn Thị Thùy	1997	ĐH TA	GVTA K1					6			6	
31	Đặng T. Phương Dung	1997	ĐH TA	GVTA K4					12			12	
32	Lê Thị Lý	1996	ĐH TA	GVTA					8			8	
33	Trần Thị Hiên	1992	Th.S Toán	Trợ giảng					10			10	

3. Danh sách nhân viên (thời điểm lấy số liệu 30/9 hằng năm)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ, ngành đào tạo	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Ghi chú
				Vị trí việc làm đảm nhiệm	Nhiệm vụ, VTVL kiêm nhiệm	Vị trí việc làm đảm nhiệm	Nhiệm vụ, VTVL kiêm nhiệm	
1	Đỗ Thị Nguyệt Oanh	1973	CĐ Dược	TT văn phòng		TT văn phòng		
2	Đinh Thị Nguyệt	1990	CĐ Kế toán	Kế toán		Kế toán		
3	Nguyễn Thuận Yên	1992	CĐ Y	Y tế học đường		Y tế học đường		
4	Bùi Thị Thanh Huyền	1992	ĐHSP Toán	TB-TV				Kiểm nhiệm
5	Tạ Thị Bích Loan	2002	ĐHSP TA			TV-TB		Kiểm nhiệm

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP CƠ SỞ VẬT CHẤT THEO KHỐI PHÒNG CHỨC NĂNG HIỆN CÓ

(Căn cứ các hạng mục công trình theo Phụ lục IV-Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT)

(Tổng hợp các hạng mục công trình theo Phụ lục III Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GDĐT)³

³ Trường Mầm non thống kê các hạng mục công trình theo Phụ lục I, Trường Tiểu học thống kê các hạng mục công trình theo Phụ lục II Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GDĐT.

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu -	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
1	Khối phòng học tập						
1.1	Phòng học	13		2018		Tốt	
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1		2018		Tốt	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1		2018		Tốt	
1.4	Phòng học bộ môn KH-CN	0					
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1		2018		Tốt	
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0					
1.7	Phòng đa chức năng	0					
2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
2.1	Thư viện	1		2023		Tốt	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1		2023		Tốt	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0					
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0					
2.5	Phòng truyền thống	0					
3	Khối phụ trợ						
3.1	Phòng họp	1	45 m ²	2023		Tốt	
3.2	Phòng Y tế	1	40 m ²	2018		Tốt	
3.3	Nhà kho	3	60 m ²				
3.4	Khu để xe học sinh	0					
3.5	Khu vệ sinh học sinh	3	60 m ²				
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	1	20 m ²	2023		Tốt	
3.7	Phòng giáo viên	1	45 m ²	2023		Tốt	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao						
4.1	Sân trường	1					
4.2	Sân thể dục thể thao	1	800 m ²			Tốt	
4.3	Nhà đa năng	0					
5	Khối phục vụ sinh hoạt						

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu -	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
5.1	Nhà bếp	1	100 m ²	2018		Tốt	
5.2	Kho bếp	1	15m ²	2018		Tốt	
5.3	Nhà ăn	1	200 m ²	2018		Tốt	
5.4	Nhà ở nội trú	0					
5.5	Phòng quản lý học sinh	0					
5.6	Phòng sinh hoạt chung	1	100 m ²	2023		Tốt	Sảnh tầng 2

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA NHÀ TRƯỜNG THEO MÔN/NHÓM MÔN
(Căn cứ theo danh mục tối thiểu quy định tại các thông tư của Bộ GDĐT theo từng cấp học)

STT	Môn/ nhóm môn	Tên thiết bị ⁴	Đơn vị tính	Số lượng theo Thông tư	Số lượng hiện có ⁵	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu - ⁶	Tình trạng sử dụng ⁷	Ghi chú ⁸
-----	------------------	---------------------------	----------------	------------------------------	----------------------------------	------------------------	--------------------------------	------------------------------------	----------------------

⁴ Ghi đúng thứ tự tên từng thiết bị theo danh mục tại các Thông tư của Bộ GDĐT theo từng cấp học.

⁵ Nếu thiết bị nào đó nhà trường chưa có thì ghi “0” vào cột này.

⁶ Ví dụ: Số lượng thiết bị hiện có của nhà trường còn thiếu 5 cái so với số lượng thiết bị tối thiểu Thông tư định thì ghi -5.

⁷ Ví dụ ghi: sử dụng tốt/ cũ, nhiều thiết bị đã hỏng/...

⁸ Ghi chú làm rõ tình trạng thiết bị hoặc phương án thay thế khi nhà trường không có thiết bị.

STT	Môn/ nhóm môn	Tên thiết bị ⁴	Đơn vị tính	Số lượng theo Thông tư	Số lượng hiện có ⁵	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu - ⁶	Tình trạng sử dụng ⁷	Ghi chú ⁸
1	Tiếng Việt	Bộ tranh mẫu chữ viết (8 tờ)	Bộ	5	2	2022		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
2	Tiếng Việt	Bộ tranh mẫu chữ dạy viết (39 tờ)	Bộ	5	2	2022		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
3	Toán	Bộ đồ dùng thực hành Toán lớp 2 (bộ chi tiết) - TCN	Bộ		8	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
4	Toán	Bộ hình khối Toán 2	Bộ		5	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
5	Toán	Bộ đồ dùng thực hành Toán lớp 3 (bộ chi tiết)	Bộ		2	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
6	Toán	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Bộ	20	1	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
7	Toán	Cân Robervan 5kg và bộ quả cân	Bộ		3	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
8	Toán	Bộ dạy thiết bị yếu tố xác suất (TT37)	Bộ		6	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
9	Toán	Bộ thiết bị dạy học phân số	Bộ		2	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
10	Toán	Bộ thực hành Toán lớp 4 (HS) – TT37	Bộ		7	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
11	Toán	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Bộ		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng

STT	Môn/ nhóm môn	Tên thiết bị ⁴	Đơn vị tính	Số lượng theo Thông tư	Số lượng hiện có ⁵	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu - ⁶	Tình trạng sử dụng ⁷	Ghi chú ⁸
		lớp 5 GV							
12	Toán	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
13	Toán	Thiết bị dạy học về thời gian	Bộ		4	2023		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
14	Đạo Đức	Bộ tranh về Biết ơn người lao động (5 tờ)	Bộ		3	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
15	Đạo Đức	Bộ tranh tự chăm sóc bản thân (7 tờ)	Bộ		4	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
16	Đạo Đức	Bộ tranh về tìm kiếm sự hỗ trợ (2 tờ)	Bộ		3	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
17	Đạo Đức	Bộ tranh về phòng chống xâm hại (5 tờ)	Bộ		3	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
18	Đạo Đức	Bộ tranh về Quyền trẻ em (10 tờ)	Bộ		3	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
19	Tự nhiên và xã hội	Tranh hướng dẫn cách ứng xử khi có cháy xảy ra (5 tờ)	Bộ		4	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
20	Tự nhiên và xã hội	Mô hình bộ xương (cao 85 cm)	Bộ		2	2024		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
21	Tự nhiên và xã hội	La bàn (d=6cm)	Bộ		4	2024		Tốt	
22	Lịch sử và địa lí	Bản đồ tự nhiên vùng	Chiếc		2	2025		Tốt	Khai thác tài

STT	Môn/ nhóm môn	Tên thiết bị ⁴	Đơn vị tính	Số lượng theo Thông tư	Số lượng hiện có ⁵	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu - ⁶	Tình trạng sử dụng ⁷	Ghi chú ⁸
		Đồng Bàng Bắc Bộ							nguyên mạng
23	Lịch sử và địa lí	Quả địa cầu hành chính d=30 (Đế gỗ)	Quả		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
24	Công Nghệ	Tranh mô hình máy phát điện gió (1 tờ)	Tờ		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
25	Công Nghệ	Tranh mô hình điện mặt trời (1 tờ)	Tờ		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
26	Khoa Học	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của Thực vật với môi trường (1 tờ + 5 thẻ)	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
27	Khoa Học	Hộp đổi lưu	Hộp		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
28	Khoa Học	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
29	Khoa Học	Bộ thí nghiệm “Vai trò của ánh sáng”	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
30	Khoa Học	Nhiệt kế điện tử	Chiếc		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
31	Khoa Học	Kính lúp d=75	Chiếc		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
32	Toán	Bộ thẻ mệnh giá Tiền Việt Nam	Bộ		6	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng

STT	Môn/ nhóm môn	Tên thiết bị ⁴	Đơn vị tính	Số lượng theo Thông tư	Số lượng hiện có ⁵	Năm đưa vào sử dụng	Thừa + Thiếu - ⁶	Tình trạng sử dụng ⁷	Ghi chú ⁸
33	Hoạt động trải nghiệm	Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm (3 tờ) – tranh nhựa	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
34	Hoạt động trải nghiệm	Bộ tranh về phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc (9 tờ) – tranh nhựa	Bộ		3	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
35	Khoa Học	Nhiệt kế rượu	Chiếc		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
36	Lịch sử và địa lí	Video một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng	Bộ		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
37	Khoa Học	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bản thân)	Bộ		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
38	Đạo Đức	Bộ đồng nước	Bộ		2	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng
39	Đạo Đức	Sa bàn	Bộ		1	2025		Tốt	Khai thác tài nguyên mạng

PHỤ LỤC 4
KINH PHÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
I	Doanh thu		
1	Tiền vốn góp của các tổ chức, cá nhân thành lập trường và các nguồn huy động hợp pháp khác	90.000.000	Chưa thực hiện BCTC
2	Tiền học phí	19.230.254.000	
3	Lãi tiền gửi tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng	3.194	
4	Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, cho, tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định.	0	
5	Tiền hỗ trợ từ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao.	0	
6	Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân	13.230.900.000	
7	Các khoản thu khác	434.555	
II	Chi phí		
1	Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;	8.497.044.144	Chưa thực hiện BCTC
2	Các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường;	Không bóc tách	

3	Quản lý hành chính	1.085.506.142	
4	Đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất; chi trả tiền thuê cơ sở vật chất (nếu có); mua sắm tài liệu, trang thiết bị đồ dùng dạy học	2.212.314.000	
5	Khấu hao tài sản cố định	797.641.494	
6	Trả lãi vốn vay, vốn góp	0	
7	Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng; các hoạt động nhân đạo, từ thiện	0	
8	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của trường	30.268.864	



PHỤ LỤC 5
VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỀ THUẾ VÀ TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thuế GTGT		
	Doanh thu chịu thuế GTGT	0	Chưa thực hiện
	Số thuế GTGT phải nộp	0	
	Số thuế GTGT đã nộp	0	
2	Thuế TNDN		
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.230.254.000	Chưa thực hiện
	Chi phí SXKD, HH, DV	19.035.314.071	
	Giá vốn hàng bán	17.949.807.929	
	Chi phí quản lý DN+ CP bán hàng	1.085.506.142	
	Doanh thu hoạt động tài chính	3.194	
	Chi phí tài chính	0	
	Doanh thu hoạt động giáo dục	19.230.254.000	
	Chi phí hoạt động giáo dục	17.949.807.929	
	Thu nhập khác	434.555	
	Chi phí khác	30.268.864	
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	165.108.814	
	Các khoản chi không được trừ khi xác định TN chịu thuế	30.268.864	
	Thu nhập chịu thuế TNDN	195.377.678	
	Chuyển lỗ	1.838.873.273	
	Thuế TNDN tính theo thuế suất 20%	0	

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	0	
	Thuế TNDN phải nộp	19.537.768	
	Thuế TNDN đã nộp	0	
3	Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác	8.391.945	

PHỤ LỤC 6

TÀI SẢN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tài sản ban đầu của các thành viên góp vốn

STT	Họ và tên thành viên góp vốn	Ngày tháng năm góp vốn	Vốn góp bằng tiền		Vốn góp bằng tài sản			Ghi chú
			Số tiền (đồng)	Tỷ lệ%	Tên tài sản (đất, thiết bị, nhà...)	Giá trị tài sản (đồng)	Tỷ lệ %	
1								
2								
3								
	Tổng cộng							

2. Tài sản hình thành trong quá trình hoạt động

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú / Giải trình nguyên nhân
1	Tổng tài sản có tại thời điểm 01/01/2024	75.172.328.072	Số dư tổng tài sản đầu năm.
2	Tài sản tăng (Chi tiết các phát sinh tăng trong năm)		Lấy theo số phát sinh bên Nợ của các TK Tài sản.
	- Tiền mặt	25.695.985.400	Tổng dòng tiền mặt thu vào trong năm.
	- Tiền gửi ngân hàng	18.735.389.941	Tổng dòng tiền gửi qua tài khoản ngân hàng thu vào.
	- Phải thu của khách hàng	9.950.854.000	Phát sinh thêm các khoản khách hàng nợ trong năm.

	- Chi phí SXKD dở dang	17.950.756.079	Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh.
	- Nguyên giá Tài sản cố định (TSCĐ)	77.394.652.657	Tăng đột biến do hoàn thành các hạng mục xây dựng và đưa vào sử dụng làm TSCĐ.
	- Xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang	9.668.159.801	Chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng phát sinh thêm.
	- Chi phí trả trước	4.320.257.200	Các khoản trả trước cho người bán/dịch vụ phát sinh mới.
3	Tài sản giảm (Chi tiết các phát sinh giảm trong năm)		Lấy theo phát sinh bên Có của TK Tài sản và TK Hao mòn.
	- Tiền mặt	28.883.681.227	Tổng dòng tiền mặt xuất chi trong năm.
	- Tiền gửi ngân hàng	18.834.918.834	Tổng dòng tiền xuất chuyển khoản trong năm.
	- Phải thu của khách hàng	10.622.229.000	Đã thu hồi được nợ từ khách hàng (giảm khoản phải thu).
	- Chi phí SXKD dở dang	17.950.756.079	Kết chuyển toàn bộ sang giá vốn/chi phí.
	- Xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang	77.394.652.657	Nghiệm thu và kết chuyển giảm chi phí XDCB để ghi nhận thành TSCĐ.
	- Chi phí trả trước	533.221.169	Phân bổ các khoản trả trước vào chi phí trong kỳ.
	- Hao mòn TSCĐ	797.641.494	Trích khấu hao định kỳ (làm giảm giá trị còn lại của tài sản).
4	Luỹ kế (Tổng) tài sản đến 31/12/2024	86.194.612.700	Số dư tổng tài sản cuối năm.